

# KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHÍNH SÁCH DÂN SỐ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI GIAN QUA

NGUYỄN THỊ HUỆ  
Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công  
tại Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 02/10/2025. Sửa chữa xong 28/10/2025. Duyệt đăng 02/11/2025.

## Abstract

To implement population policies issued by the central government, Ho Chi Minh City has directed, managed, and developed various programs and projects to put these policies into action locally. To objectively evaluate how effectively population policies are being carried out in the city, this article examines the outcomes of several key component policies aimed at addressing the most urgent demographic issues in recent years. The results show significant progress as well as areas that need further improvement to improve the overall quality and effectiveness of population management in Ho Chi Minh City.

**Keywords:** Adjustment fertility, controlling gender imbalance at birth, family planning services, health care for the elderly, improving population quality, population policy.

## 1. Đặt vấn đề

Trong thời gian qua, TP. Hồ Chí Minh đã triển khai thực hiện nhiều chính sách về dân số. Những chính sách này được triển khai trên cơ sở chính sách trung ương ban hành và phù hợp với tình hình thực tiễn dân số tại địa phương. Để có cái nhìn khách quan, tổng thể về TP. Hồ Chí Minh và hiện trạng thực hiện tại TP. Hồ Chí Minh, bài viết sẽ khái quát kết quả đạt được của 5 chính sách hợp phần sau: Chính sách điều chỉnh mức sinh, Chính sách cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, Chính sách chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, Chính sách kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, Chính sách nâng cao chất lượng dân số giai đoạn đầu đời.

## 2. Kết quả thực hiện một số chính sách dân số tại TP. Hồ Chí Minh

### 2.1. Chính sách điều chỉnh mức sinh (giải quyết mức sinh thấp)

Mức sinh thấp tại thành phố là một trong những vấn đề dân số nghiêm trọng kéo dài trong thời gian qua, chưa có dấu hiệu cải thiện đáng kể. Để đạt mục tiêu điều chỉnh tăng mức sinh nhằm góp phần thực hiện thành công chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa- xã hội của Thành phố, đạt tổng tỷ suất sinh đạt 1,4 con/phụ nữ vào năm 2025, hướng tới năm 2030 là 1,6 con, tăng quy mô dân số, Thành phố đã ban hành và thực hiện Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 ban hành Chương trình điều chỉnh mức sinh đến năm 2030 với nhiều giải pháp quan trọng [5]. Tuy nhiên, nhìn vào Bảng 1 cho thấy tỷ suất sinh thô và Tổng tỷ suất sinh chưa ổn định và cải thiện đáng kể. Mỗi năm thành phố tăng trung bình khoảng 65.523 trẻ sinh ra. Mặc dù năm 2024 tổng tỷ suất sinh đã đạt được 1.4 nhưng nếu không duy trì ổn định và bền vững trong thời gian tới thì có khả năng ảnh hưởng đến việc đạt chỉ tiêu vào năm 2025 và 2030.

Email: huenapa@gmail.com

Bảng 1: Tỷ suất sinh thô, số trẻ em sinh ra và tổng tỷ suất sinh của Thành phố giai đoạn 2017-2024

Năm	Tỷ suất sinh thô (%/00)	Số trẻ em sinh ra (người)	Tổng tỷ suất sinh (con/phụ nữ)
2017	12.1		1.36
2018	12.3	65.148	1.33
2019	14.1	70.290	1.39
2020	14.5	72.233	1.53
2021	14.8	61.716	1.48
2022	13.6	61.314	1.39
2023	12.1	63.613	1.32
2024	12.4	64.348	1.40
<b>Chỉ tiêu năm 2025</b>			<b>1.4</b>
<b>Chỉ tiêu năm 2030</b>			<b>1.6</b>

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo hoạt động dân số các năm 2018-2024 [1])

## 2.2. Chính sách cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

Để triển khai Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030, UBND TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Kế hoạch số 968/KH-UBND vào ngày 17 tháng 3 năm 2023 [7].

Trong thời gian qua, với nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ), TP. Hồ Chí Minh đã quan tâm đầu tư cả về số lượng và chất lượng trong hệ thống y tế công lập và ngoài công lập, kết quả thực hiện như sau:

Nhu cầu và sự hài lòng về dịch vụ KHHGĐ của người dân cơ bản được đáp ứng, các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách được quan tâm, ưu tiên hỗ trợ. Thực hiện đa dạng hóa các biện pháp tránh thai và đa dạng hóa việc cung ứng phương tiện tránh thai (miễn phí, tiếp thị xã hội và xã hội hóa phương tiện tránh thai). Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân số. Trong giai đoạn 2017-2024, tỷ lệ các cặp vợ chồng sử dụng biện pháp tránh thai hàng năm đạt trên 70%, trong đó sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại duy trì đều ở mức trên 60%, tăng qua các năm, có thể quan sát qua bảng sau:

Bảng 2: Số cặp vợ chồng tránh thai hiện đại từ 2018-2024

Năm	Số cặp vợ chồng tránh thai hiện đại (Người)
2018	564.500
2019	573.099
2020	574.515
2021	554.640
2022	577.781
2023	578.785
2024	540.309
<b>Tổng</b>	<b>3.963.629</b>

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo hoạt động dân số các năm 2018-2024 [1])

Các giải pháp trên giúp kéo giảm tỷ số nạo phá thai từ 42,1/100 trẻ sinh ra sống năm 2017 xuống còn 29,03/100 trẻ sinh ra sống năm 2021 (đạt so với mục tiêu kéo giảm 40 ca nạo/100 ca sinh sống), cơ bản loại trừ phá thai không an toàn, trong đó tỷ lệ nạo phá thai ở tuổi vị thành niên, thanh niên hàng năm đều giảm, từ 2,47% (năm 2017) còn 1,72% (năm 2021) [2].

Mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản (CSSKSS)/KHHGD ngày càng được củng cố và phát triển rộng khắp từ Thành phố đến cơ sở. Trong đó gồm: Y tế công lập: Khoa chăm sóc Sức khỏe sinh sản thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Bệnh viện sản khoa, Khoa Sản - Bệnh viện đa khoa, Khoa Sức khỏe sinh sản thuộc 22 Trung tâm Y tế và 310 Trạm Y tế phường, xã, thị trấn thuộc Trung tâm Y tế thành phố Thủ Đức và 21 quận, huyện. Tất cả các trạm Y tế phường, xã, thị trấn đảm bảo sự có mặt của bác sĩ, nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi; 100% khu phố - ấp có cộng tác viên (CTV) dân số. Hầu hết nữ hộ sinh, y sĩ sản nhi, nhân viên y tế cơ sở được đào tạo và có kỹ năng cơ bản về CSSKSS, KKHGD theo chuẩn quốc gia; cán bộ chuyên trách và CTV được tập huấn về kiến thức, kỹ năng và thực hiện cung cấp các dịch vụ tư vấn, biện pháp tránh thai phi lâm sàng tại cộng đồng. Phòng khám CSSKSS-KKHGD (thuộc Chi cục DS-KHHGD) đã góp phần nâng cao hiệu quả, đáp ứng nhu cầu về CSSKSS/KKHGD cho công nhân lao động ở khu công nghiệp, khu chế xuất, dân nhập cư trong độ tuổi lao động và độ tuổi sinh đẻ trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Công tác khám và điều trị các bệnh phụ khoa thông thường cho đối tượng là công nhân các công ty, xí nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh hàng năm luôn đạt chỉ tiêu đề ra. Năm 2024 đã tổ chức 56 đợt khám cho 10.657 người, đạt 118,4% chỉ tiêu kế hoạch đề ra [1]. Y tế ngoài công lập: Bệnh viện đa khoa, chuyên sản phụ khoa và phòng khám đa khoa, chuyên khoa tư nhân thực hiện dịch vụ sản phụ khoa và hệ thống nhà thuốc, đại lý thuốc tây, CTV dân số, CTV y tế ấp, khu phố trực tiếp tư vấn, cấp phát phương tiện tránh thai phi lâm sàng miễn phí cho đối tượng theo quy định và đáp ứng việc phân phối phương tiện tránh thai tiếp thị xã hội, xã hội hóa theo nhu cầu cho các đối tượng trong độ tuổi sinh đẻ. Nhìn chung, năng lực hệ thống cung ứng dịch vụ KHHGD cơ bản đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của chương trình.

Bên cạnh đó, xã hội hóa phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD đã góp phần tăng tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai. Mạng lưới phân phối dựa vào cộng đồng thông qua CTV dân số đã góp phần quan trọng cho người dân trong việc tiếp cận nhu cầu KHHGD ngày càng phát triển và thuận tiện. Chương trình tiếp thị xã hội, xã hội hóa các phương tiện tránh thai đã góp phần chuyển đổi hành vi của người dân tham gia thực hiện KHHGD, từ việc nhận miễn phí chuyển sang tự chi trả một phần hay hoàn toàn chi phí cho các biện pháp tránh thai. Đến nay, việc cấp phát bao cao su tránh thai, dụng cụ tử cung tránh thai, thuốc tiêm tránh thai, que cấy tránh thai miễn phí đã chuyển sang xã hội hóa 100% đã góp phần tiết kiệm đáng kể cho nguồn chi ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên, việc triển khai chính sách này vẫn tồn tại một số hạn chế như: Số lượng CTV dân số thay đổi hàng năm trên 20% và càng biến động hơn trong những năm gần đây do thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy làm công tác dân số ở cơ sở. Do vậy, kiến thức, kỹ năng tư vấn và chăm sóc khách hàng của lực lượng này chưa đáp ứng yêu cầu. Bên cạnh đó, Nhà nước chỉ hỗ trợ phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng chính sách, còn lại khách hàng phải tự chi trả chi phí KHHGD. Trong thời gian qua, việc phân phối phương tiện tránh thai tiếp thị xã hội rất ít về chủng loại và số lượng; sản phẩm xã hội hóa chỉ mới thực hiện phân phối bao cao su, viên uống tránh thai và sản phẩm dung dịch vệ sinh đa năng và vệ sinh phụ khoa với số lượng rất ít nên không đáp ứng được nhu cầu rất lớn của chương trình.

### **2.3. Chính sách chăm sóc sức khỏe người cao tuổi**

Năm 2017, trên cơ sở Quyết định 7618/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (CSSK NCT) giai đoạn 2017 - 2025 và hướng dẫn của Bộ Y tế tại Công văn số 1439/BYT-TCDS ngày 24/3/2017, UBND TP. Hồ Chí Minh đã xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án CSSK NCT tại TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 - 2025 nhằm đáp ứng nhu cầu CSSK NCT của thành phố thích ứng với giai đoạn già hóa dân số, góp phần thực hiện Chương trình hành động quốc gia về NCT;

Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Đặc biệt, TP. Hồ Chí Minh đã triển khai chính sách CSSK NCT thông qua Kế hoạch số 1650/KH-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2022 [3].

Trong thời gian qua, công tác CSSK NCT được triển khai có hiệu quả. Tại TP. Hồ Chí Minh, các đơn vị y tế, các cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện tốt công tác CSSK NCT theo đúng quy định Luật Người cao tuổi và quy định của Bộ Y tế. Đặc biệt, để nâng cao chất lượng CSSK cho NCT, lãnh đạo TP. Hồ Chí Minh và Sở Y tế đã kịp thời chỉ đạo các bệnh viện cấp thành phố tích cực chuẩn bị để thành lập Khoa Lão khoa nhằm CSSK cho NCT. Hiện có nhiều bệnh viện cấp thành phố thành lập Khoa Lão khoa, hoặc tổ chức khoa Lão khoa kết hợp khoa khác. Mặt khác, thành phố cũng đã cấp bảo hiểm y tế đầy đủ cho tất cả đối tượng NCT thuộc diện được cấp bảo hiểm y tế. Vì vậy, công tác CSSK NCT tại TP. Hồ Chí Minh được nâng cao cả về số lượng lẫn chất lượng.

Vận động CSSK NCT; tạo môi trường xã hội ủng hộ và tham gia CSSK NCT. Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ CSSK ban đầu, phòng chống bệnh không lây nhiễm, khám chữa bệnh cho NCT; từng bước xây dựng mô hình CSSK dài hạn cho NCT. Duy trì hoạt động của Chương trình CSSK NCT tại 162 phường, xã, thị trấn tại thành phố Thủ Đức và các quận, huyện. Mở rộng hoạt động của Chương trình tại 22 phường, xã, thị trấn. Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi. Tổ chức hội nghị, hội thi và đào tạo, tập huấn chuyên môn cho người làm công tác tư vấn, CSSK NCT, cán bộ dân số, CTV dân số và tình nguyện viên ở cơ sở, xây dựng kế hoạch thành lập phòng khám lão khoa, khoa lão, khu giường điều trị người bệnh là NCT thuộc các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa (trừ bệnh viện chuyên khoa nhi). Tổ chức tập huấn đào tạo, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị để nâng cao năng lực khám chữa bệnh cho các đơn vị này. Lựa chọn triển khai thí điểm một số mô hình CSSK NCT: trung tâm CSSK ban ngày; phường, xã, thị trấn thân thiện với NCT; trung tâm dưỡng lão theo hình thức phù hợp; ứng dụng công nghệ thông tin vào dịch vụ CSSK NCT (mạng xã hội, internet...).

Các hoạt động CSSK NCT được tăng cường, vai trò NCT không ngừng được phát huy trong cộng đồng, góp phần nâng cao tuổi thọ trung bình của người dân thành phố ở mức khá cao 76,7 tuổi vào năm 2024. Triển khai có hiệu quả các hoạt động CSSK NCT tại cộng đồng, Toàn thành phố có 184 Câu lạc bộ “Người cao tuổi giúp người cao tuổi”, với hơn 5.389 hội viên là NCT tham gia sinh hoạt; Các câu lạc bộ đã tổ chức sinh hoạt định kỳ hàng tháng với nhiều hình thức như giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi giải trí ... kết hợp tư vấn, cung cấp các thông tin, kiến thức về CSSK cho NCT. Duy trì hoạt động 184 Tổ Tình nguyện giúp đỡ NCT tại cộng đồng, với trên 2.726 người tham gia tình nguyện thực hiện chăm sóc, giúp đỡ cho hơn 5.389 NCT già yếu neo đơn, có hoàn cảnh khó khăn tại cộng đồng. Định kỳ mỗi tuần ít nhất 02 lần các tình nguyện viên đến chăm sóc người cao tuổi theo địa chỉ đã đăng ký cụ thể. Tổ tình nguyện viên duy trì chế độ họp giao hàng tháng, Đội ngũ tình nguyện viên tham gia CSSK NCT già yếu neo đơn, có hoàn cảnh khó khăn tại cộng đồng đã nhận được sự quan tâm và ủng hộ của dư luận xã hội. Thông qua các hoạt động nêu trên đã giúp cho NCT ngày càng sống vui, sống khỏe, sống có ích. Các Tổ tình nguyện viên đã vận động, phối hợp với các tổ chức, cá nhân mạnh thường quân tổ chức 268 bữa ăn ngon cho 14.863 NCT, viếng thăm và tặng quà cho các cụ cô đơn, bệnh nặng đi lại khó khăn [1].

Hàng năm, số NCT được lập hồ sơ và khám sức khỏe định kỳ đều tăng đạt chỉ tiêu đề ra. Điều này cho thấy chính sách CSSK NCT được triển khai thực hiện có hiệu quả.

*Bảng 3: Kết quả thực hiện chính sách CSSK NCT*

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tuổi thọ	76,6	76,6	76,5	76,2	76,3	76,5	76,7
Số NCT được lập hồ sơ QLCSSK		294.488		390.615	495.767	488.069	493.926
CLB Người cao tuổi giúp người cao tuổi/ Hội viên	70/ 1352	96/ 3966		118/ 2960	140/ 3701	162/ 4022	184/ 5389

Tổng tình nguyện viên/số người tham gia	70/ 1.060	96/ 2.469		118/ 1.462	140/ 1.957	162/ 12.133	184/ 2726
---	--------------	--------------	--	---------------	---------------	----------------	--------------

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo công tác dân số các năm 2018-2024 [1])

Tuy nhiên, bên cạnh đó thì chỉ tiêu khám và lập hồ sơ sức khỏe điện tử cho NCT còn thấp, tuyến phường, xã, thị trấn chưa phát huy vai trò chỉ đạo, điều hành, sự phối hợp đồng bộ giữa các ban ngành, đoàn thể và chính quyền địa phương còn hạn chế, công tác truyền thông về mục đích, ý nghĩa của việc lập hồ sơ và khám sức khỏe NCT chưa sâu, rộng đến cộng đồng dân cư. Ngoài ra, việc xã hội hóa CSSK NCT chưa được thực hiện tốt. Điều này cũng đặt ra những yêu cầu nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách CSSK cho NCT trong thời gian tới.

#### 2.4. Chính sách kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Kế hoạch số 2314/KH-UBND vào ngày 08 tháng 7 năm 2022 để triển khai Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trong giai đoạn 2021-2025 nhằm tăng cường kiểm soát tỷ số giới tính khi sinh và đưa tỷ lệ này trở lại mức cân bằng tự nhiên [4].

Với những giải pháp mạnh mẽ mà Thành phố đã thực hiện trong thời gian qua như: Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội, tạo dư luận xã hội hưởng ứng công tác kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, phê phán các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi. Tuyên truyền nội dung, quy định về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi, nâng cao ý thức của đội ngũ cán bộ ngành y tế để tránh tình trạng lạm dụng khoa học - công nghệ thực hiện các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi. Tiếp tục đưa các nội dung kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh vào Chương trình giáo dục cho học sinh các trường phổ thông; Chương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý của Học viện Cán bộ Thành phố, các trung tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện và thành phố Thủ Đức. Thường xuyên tuyên truyền vận động trực tiếp về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh đến từng khu phố, tổ dân phố để hình thành các chuẩn mực, giá trị xã hội mới phù hợp, loại trừ dần nguyên nhân sâu xa của hiện tượng lựa chọn giới tính thai nhi. Tập trung tuyên truyền tại các quận, huyện đang có xu hướng gia tăng về tỷ số giới tính khi sinh. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với hành vi lựa chọn giới tính thai nhi;... Với những giải pháp trên đã giúp TP. Hồ Chí Minh có tỷ lệ giới tính khi sinh thấp hơn mặt bằng chung của cả nước và vùng Đông Nam Bộ. Tình trạng chênh lệch giới tính được kiểm soát và ổn định trong thời gian qua. Điều này thể hiện rõ trong bảng 4. Tuy nhiên, dấu hiệu cho thấy tỷ số mất cân bằng giới tính khi sinh có diễn biến gia tăng gần đây nên đòi hỏi những biện pháp của chính sách tiếp tục được duy trì.

Bảng 4: Tỷ số giới tính khi sinh của TP. Hồ Chí Minh so với cả nước và vùng giai đoạn 2018-nay

Đơn vị: trẻ nam/100 trẻ nữ

	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
TP. Hồ Chí Minh	105,3	105,4	106,4	107	108,78	107,9	106,1
Cả nước	114,81	111,51	112,06	112,00	111,56	111,80	111,40
Đông Nam Bộ	128,04	111,03	109,82	119,50	111,20	111,40	111,04

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2024, Báo cáo công tác dân số tại TP. Hồ Chí Minh năm 2024 [1])

#### 2.5. Chính sách nâng cao chất lượng dân số giai đoạn đầu đời

TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Kế hoạch số 1522/KH-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2023 để thực hiện chương trình tầm soát, chẩn đoán, điều trị bệnh tật trước sinh và sơ sinh, nhằm nâng cao chất lượng dân số [6].

Thành phố đã triển khai nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng dân số giai đoạn đầu đời: Khám tiền hôn nhân, CSSK bà mẹ mang thai, triển khai nhiều gói và mô hình CSSK, thực hiện chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh và nâng cao chất lượng dân số, trong thời gian qua đạt được nhiều kết quả như sau:

- Gói dịch vụ khám sức khỏe trước khi kết hôn: năm 2024 có 639 cặp nam, nữ thanh niên tự nguyện

tham gia khám sức khỏe tiền hôn nhân dưới hình thức xã hội hóa, đạt tỉ lệ 200,1% so với kế hoạch đề ra. Nội dung khám tiền hôn nhân đã nhận được sự hỗ trợ về nhân sự, kỹ thuật của Bệnh viện Bình Dân trong khám nam khoa tại các quận huyện, góp phần vượt chỉ tiêu kế hoạch trong chiến dịch. Phối hợp với Bệnh viện Hùng Vương hỗ trợ thực hiện gói dịch vụ khám sức khỏe trước khi kết hôn miễn phí cho 135 cặp thanh niên nam, nữ sắp kết hôn, lồng ghép tuyên truyền thông điệp khuyến khích người dân sinh đủ hai con của thành phố [1].

- Gói dịch vụ sàng lọc trước sinh: có 2.162 phụ nữ mang thai tham gia khám sàng lọc, trong đó có 875 khám sàng lọc trước sinh lần 1 và 1.287 sàng lọc trước sinh lần 2; đạt tỷ lệ 136,0% so với chỉ tiêu kế hoạch chiến dịch đề ra [1].

- Mô hình Tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn: Duy trì hoạt động của 310 câu lạc bộ Tiền hôn nhân với hơn 9.358 thành viên tại 310 phường, xã, thị trấn thuộc thành phố Thủ Đức và 21 quận, huyện [1]. Các câu lạc bộ tổ chức sinh hoạt định kỳ với chủ đề phong phú, qua đó cung cấp thông tin, truyền thông tư vấn, giới thiệu mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc khám sức khỏe trước khi kết hôn, kết quả hoạt động như sau:

- Tổ chức 332 buổi truyền thông với 13.663 lượt người dự. Thực hiện 2.780 buổi tư vấn cho 8.156 lượt người về chăm sóc sức khỏe sinh sản trước khi kết hôn.

- Vận động 1.469 cặp nam, nữ thanh niên chuẩn bị kết hôn tham gia khám sức khỏe trước khi kết hôn diện xã hội hóa so với chỉ tiêu năm đạt 119,3%.

- Phân phối 31.000 tờ rơi, cẩm nang với chủ đề phong phú, phù hợp thực tế qua đó cung cấp thông tin, truyền thông tư vấn, giới thiệu mục đích, ý nghĩa của việc khám sức khỏe trước khi kết hôn.

- Triển khai các lớp tập huấn kiến thức và kỹ năng truyền thông, tư vấn về CSSK trước khi kết hôn. Kết quả đã tổ chức 08 lớp tập huấn kiến thức kỹ năng tư vấn truyền thông về CSSKS trước khi kết hôn cho 640 học viên là thành viên Ban chủ nhiệm, thành viên các CLB tiền hôn nhân.

Nhìn chung, hoạt động mô hình tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn ngày càng thu hút được sự quan tâm của người dân, đặc biệt là đối tượng vị thành niên/thanh niên, các cặp nam, nữ chuẩn bị kết hôn, giúp nâng cao kiến thức, nhận thức, chuyển đổi thái độ và hành vi về CSSK trước khi kết hôn.

Chi cục DS-KHHGD đã ban hành Kế hoạch hàng năm về thực hiện Chương trình tầm soát, chẩn đoán, điều trị bệnh, tật trước sinh và sơ sinh. Sau khi Chi cục DS-KHHGD ban hành kế hoạch, tính đến nay có 22/22 Phòng Y tế thành phố Thủ Đức và quận, huyện tiến hành xây dựng, tham mưu và triển khai thực hiện kế hoạch ở cấp cơ sở.

Tiếp tục theo dõi, tổng hợp các hoạt động triển khai thực hiện Chương trình Tầm soát, chẩn đoán, điều trị bệnh, tật trước sinh và sơ trên địa bàn Thành phố. Số liệu năm 2024 của các Bệnh viện, Trung tâm Y tế như sau:

- Sàng lọc trước sinh (SLTS): Số bà mẹ mang thai 66.796 trong đó số bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh 57.752, đạt 86,46% (chỉ tiêu trung ương giao là 85%). Kết quả nghi ngờ bất thường 4.666 trường hợp, trong đó xác định bệnh 1.514 trường hợp gồm: Bệnh tan máu bẩm sinh Thalassemia: 21 trường hợp; Hội chứng Down (Trisomy 21): 151 trường hợp; Hội chứng Edward (Trisomy 18): 26 trường hợp; Hội chứng Patau (Trisomy 13): 14 trường hợp; Các dị tật bất thường nhiễm sắc thể khác: 1.302 trường hợp. Trong đó, đình chỉ thai nghén 282 trường hợp và theo dõi, hướng dẫn điều trị sau sinh cho 1.232 trường hợp.

- Sàng lọc sơ sinh (SLSS): Tổng số trẻ sinh được sàng lọc bằng mẫu máu gót chân là 54.115/64.438 trẻ sinh sống, đạt 83,98% (chỉ tiêu trung ương giao là 82%). Qua đó, phát hiện 555 trẻ sinh ra nghi ngờ bất thường, trong đó phát hiện 351 ca gồm có: 223 trẻ mắc bệnh thiếu men G6PD, 31 trẻ mắc suy giáp bẩm sinh, 50 trẻ mắc tăng sản tuyến thượng thận, 03 trẻ mắc Bệnh tim bẩm sinh và 44 trẻ mắc các trường hợp khác và nghi ngờ 43 trẻ mắc khiếm thính bẩm sinh.

- Tổ chức 338 cuộc truyền thông chuyên đề về Tầm soát, chẩn đoán, điều trị bệnh, tật trước sinh và

sơ sinh cho 20.142 người, đối tượng chủ yếu là cán bộ chủ chốt, đoàn viên, hội viên các Ban ngành, Đoàn thể cấp phường, xã, thị trấn.

- Phối hợp với cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phường, xã, thị trấn thực hiện tư vấn và phát tờ rơi về nội dung sàng lọc trước sinh - sàng lọc sơ sinh cho hơn 30.735 cặp nam/nữ thanh niên đến đăng ký kết hôn.

- Phối hợp với Bệnh viện Hùng Vương tổ chức 02 nội dung: Hội thảo chuyên đề về Nâng cao chất lượng dân số; Tập huấn về chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh năm 2024 cho 100 người là lãnh đạo, trưởng, phó các phòng chuyên môn, chuyên viên thuộc Chi cục DS-KHHGD và Trưởng khoa sản các bệnh viện, Trưởng khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố, Trung tâm Y tế thành phố Thủ Đức và quận, huyện.

Hoạt động phòng khám SKSS - KHHGD đạt nhiều kết quả trong truyền thông, tư vấn cho đối tượng là công nhân tại các công ty, xí nghiệp, Khu Chế xuất - Khu Công nghiệp và sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp trên địa bàn Thành phố với 100 cuộc truyền thông về SKSS-KHHGD cho 198.359 lượt người tham dự. Bên cạnh đó, Công tác khám và điều trị các bệnh phụ khoa thông thường cho đối tượng là công nhân các công ty, xí nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức 56 đợt khám cho 10.657 người, đạt 118,4% chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Tất cả những mô hình, cách thức triển khai trên đã giúp thành phố nâng cao chất lượng dân số giai đoạn đầu đời thông qua các chỉ tiêu như: Tỷ lệ sàng lọc trước sinh, Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh, Tỷ lệ thanh niên nam, nữ được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch đề ra; tỷ số nạo phá thai; tỷ lệ nạo phá thai ở tuổi vị thành niên, thanh niên; tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi hàng năm đều giảm. Từ giai đoạn 2017 đến nay, tỷ lệ đều trên 80%. Quản lý, cập nhật 100% số bà mẹ mang thai, số trẻ sinh sống thực tế cư trú tại địa bàn, đạt chỉ tiêu.

### 3. Kết luận

Từ những chính sách trên, có thể thấy rằng các chính sách do trung ương ban hành và địa phương triển khai tại TP. Hồ Chí Minh đều phù hợp và quan trọng đối với các vấn đề dân số hiện nay (đã phân tích ở chủ đề bài viết trước). Những kết quả thực hiện chính sách trên là cơ sở để đưa ra nhận định, đánh giá chính xác về thành tựu, hạn chế trong quá trình thực hiện TP. Hồ Chí Minh trên địa bàn trong các chủ đề bài viết sau. Do vậy, trong các chủ đề bài viết sau, tác giả sẽ đi sâu vào phân tích hiện trạng của quá trình thực hiện TP. Hồ Chí Minh trên địa bàn và đưa ra những giải pháp gợi mở nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách nói riêng và công tác quản lý nhà nước về dân số nói chung trong thời gian tới.

#### Tài liệu tham khảo

[1] Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình TP. Hồ Chí Minh (2024). Báo cáo Kết quả công tác Dân số năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024.

[2] Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (2022). Báo cáo số 382-BC/TU ngày 30/12/2022 Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.

[3] Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh (2022). Kế hoạch số 1650/KH-UBND ngày 20/5/2022 Thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030.

[4] Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh (2022). Kế hoạch số 2314/KH-UBND ngày 08/7/2022 Thực hiện Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh tại TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025.

[5] Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh (2023). Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 Ban hành Chương trình điều chỉnh mức sinh đến năm 2030 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh (2023). Kế hoạch 1522/KH-UBND ngày 17/4/2023 Thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh tại Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030.

[7] Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh (2023). Kế hoạch số 968/KH-UBND ngày 17/3/2023 Thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030.